TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19-10-2020
Về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thùy Trang;

2. Ông Nguyễn Bá Tòng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà: Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020, về tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Thị Xuân M, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Tổ 4, khóm Phú H, thị trấn Cái Tàu H, huyện C, tỉnh Đ.

- **Bị đơn**: Ông Thái Hải S, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Tổ 4, khóm Phú H, thị trấn Cái Tàu H, huyện C, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qúa trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Xuân M trình bày:

Qua mai mối, bà Nguyễn Thị Xuân M và ông Thái Hải S tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn ngày 23-8-1999 tại Uỷ ban nhân dân xã An Nh,

huyện C, tỉnh Đ. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn xảy ra từ năm 2014, do vợ chồng bất đồng ý kiến, ông S có những lời lẽ xúc phạm cha mẹ bà M, thường uống rượu, đi về khuya, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, về nhà ngược đãi vợ con, đập phá đồ đạc trong nhà. Về kinh tế vợ chồng độc lập, về tình cảm không còn quan tâm lẫn nhau. Tuy sống chung nhà nhưng vợ chồng ly thân, tình cảm không còn. Do đó, bà M yêu cầu ly hôn ông S.

Về con chung: Có 01 con chung tên Thái Thị Ngọc H, sinh năm 2000, đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qúa trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn ông Thái Hải S có cung cấp lời khai:

Ông S thống nhất với bà M về thời gian kết hôn. Về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn, ông S cho rằng không có. Ông trình bày, ông có đi uống rượu với bạn bè đến 7-8 giờ tối, nhưng bà M không khuyên can, không có ý kiến gì. Về chi phí sinh hoạt trong gia đình do ông S lo, bà M không phụ giúp. Về việc bà M xin ly hôn, ông không có ý kiến. Các vấn đề khác ông S không trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự (nguyên đơn) kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu của bà M về việc xin ly hôn ông S. Về con chung: Đã trưởng thành, không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, về nợ: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Thái Hải S tuy đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Xuân M đồng ý và yêu cầu Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Xuân M về việc yêu cầu ly hôn ông Thái Hải S. Hội đồng xét xử, xét thấy:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Xuân M và ông Thái Hải S chung sống có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã An Nh, huyện C, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 23-8-1999, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà M yêu cầu ly hôn với ông S.

[2.2] Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Ly hôn theo yêu cầu của một bên:

"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được."

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía. Để có cuộc hôn nhân hạnh phúc cả hai phải có sự trân trọng, yêu thương, cảm thông, chia xẻ với nhau về những vấn đề trong cuộc sống. Tuy nhiên, theo trình bày của bà M, vợ chồng không hạnh phúc từ 2014, do cả hai bỏ mặc, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, ông S không chung thủy, ngược đãi vợ con, không tôn trọng gia đình bà M. Do không còn sức chịu đựng, cuộc sống chung không hạnh phúc, bà Mai yêu cầu ly hôn ông S.

[2.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập ông S để làm việc, hòa giải. Tuy nhiên, ông S không có thiện chí hòa giải, từ chối trình bày ý kiến, không có trách nhiệm với cuộc hôn nhân.

[2.5] Xét thấy, hôn nhân giữa bà M và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M về việc ly hôn ông S.

[3] Về nuôi con chung: Cháu Thái Thị Ngọc H, sinh năm 2000, là con của bà M và ông S, đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ: Không xem xét, giải quyết.

[6] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án: Xét thấy, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp quy định pháp luật, phù hợp các tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Mai phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điểm c Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Xuân M và ông Thái Hải S.

2. Về nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, về nợ: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Xuân M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp là 300.000 đồng ngày 10-8-2020, theo biên lai số 0002971 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C được chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự (bà M) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Riêng bị đơn (ông S) vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bán án theo quy định của luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh Đ;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện C;
- Chi cục Thi hành án DS Huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án và VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Nguyễn Thanh Hùng